

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 3 - 2025

“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bảo Hiền

Ông Đào Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025. Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Hồng E, sinh năm 1978 (Có mặt)

Cư trú: ấp Xẻo Ngay, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cư trú: ấp Xẻo Ngay, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2025 và các lời khai của nguyên đơn bà Cao Hồng E trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tình cảm. Cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể duy trì nên bà Em yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 người con tên Nguyễn Phương Hằng, sinh năm 1996; Nguyễn Phương Tiên, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Tiên Tiên, sinh năm 2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn S, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho ông S biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2025 nhưng ông S không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ ông S để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông S không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Em. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông S vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của bà Cao Hồng E khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Em và ông S xác lập quan hệ hôn nhân năm 1995 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Em và ông S không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của bà Cao Hồng E và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Em trình bày vợ chồng chung sống có 03 người con tên Nguyễn Phụng Hằng, sinh năm 1996; Nguyễn Phụng Tiên, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Tiên Tiên, sinh năm 2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Em trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, ông S không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản thì bà Em và ông S có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Bà Em trình bày vợ chồng không có nợ chung, ông S không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Em phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Cao Hồng E và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Em phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Em có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015284 ngày 06/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Em có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- THADS huyện Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính